

Bản án số: 28/2019/HS-ST

Ngày 27/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

2. Ông **Vũ Nguyên Đăng**.

3. Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Đinh Thị Thanh Huế** - Kiểm sát viên;

Ngày 27/11/ 2019, tại Nhà văn hóa khu dân cư số 7 phường Ngh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương , Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 28/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 13/11/2019, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 15/11/2019, đối với bị cáo:

Hoàng Thị Kim H- sinh năm 1983 tại S, L, Hải Phòng. Nơi cư trú: 11A8, Tổ 7, phường S1, quận A, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1939 (đã chết), con bà Phùng Thị R, sinh năm 1937. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 20/3/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội khởi tố về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội theo Lệnh tạm giam số 264/CQĐT ngày 11/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Kim H: Ông **Nguyễn Thế B**, Luật sư - Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 93, L1, phường Ngh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

2. Chị **Hà Thị H1**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 93, L1, phường Ngh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Vũ Lương Tr**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn BD, xã TH, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Dương Văn S2**, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn TĐN, xã MH, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

3. Anh **Bùi Văn Đ1**, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 7, thôn Ngoại, xã MH, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

4. Anh **Đoàn Văn M1**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 150, khu 17, phường Ngh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Anh **Đặng Quang Tr1**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 3, thôn ĐB, xã HN, thành phố Hưng Yên.

6. Anh **Nguyễn Mạnh Th**, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: 8/13 phố BT, Khu 4, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

7. Anh **Bùi Đức Ch**, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 787A Ngh, Khu 7, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

8. Chị **Phạm Ngọc M2**, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 358 NHC, Khu 5, phường NgC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

9. Anh **Bùi Đức M3**, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Lô 47/62 AP 2, phường TB, thành phố Hải Dương.

10. Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 170 YK, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

11. Anh Đinh Hữu T (bạn là Hà Văn Hiếu sinh năm 1970, trú quán: Số 28/142, đường KG, P. ĐK, Q. HM, TP Hà Nội). Vắng mặt.

Địa chỉ: Quận HM, thành phố Hà Nội.

12. Chị Lưu Thanh Th1, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 16/35/39 KTD, phường ThB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

13. Cháu Phan Đức Th2, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 2/13 KS, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Minh D1, sinh năm 1974 là bố cháu Thiện. Địa chỉ: Số 2/13 KS, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

14. Cháu Trần Anh Qu, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 51A, Ngh, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

15. Chị Bùi Thu Qu1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

16. Anh Bùi Văn D2, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

17. Cháu Trần Thị Phương Th3, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 11, phường HNg, quận DK, thành phố Hải Phòng.

18. Anh Nguyễn Văn L2 sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 358 YK, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

19. Anh Bùi Anh Qu2, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 348 Ngh, phường Ngh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

20. Anh Phạm Hồng M4, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Trú quán: Số 157, TrM, P. PNL, TP Hải Dương.

21. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu MS, phường ThH, thành phố CL, tỉnh hải Dương.

22. Anh Đoàn Hải N1, sinh năm 1995 (bố là ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1968). Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn PhT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn D - Giám đốc và vợ là Hà Thị H1 - Phó Giám đốc, kiêm thủ quỹ của Công ty trách nhiệm hữu hạn hợp tác quốc tế QV, có trụ sở tại số 93, L1, phường Ngh, thành phố Hải Dương không được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Qua trao đổi với bà Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1975, ở số 39 phố ĐX, thành phố Hải Dương, D và H1 được bà Th4 nói Nguyễn Thị L.A(tên thật là Hoàng Thị Kim H) có khả năng đưa người sang nước Úc du học, làm việc. Do vậy, vào khoảng tháng 02/2017 D và H1 đến nơi ở của H ở Tòa nhà Time City, thành phố Hà Nội để nhờ H đưa người sang Úc. Mặc dù không có chức năng và khả năng đưa người sang Úc nhưng H đồng ý và nói với vợ chồng D, H1 về chi phí đưa người sang Úc lao động, du học là 23.000USD/01 người; hồ sơ gồm: Chứng minh nhân dân (căn cước công dân), hộ khẩu, sơ yếu lý lịch, 06 ảnh 4x6 hoặc 12 ảnh 4x6 (hồ sơ có công chứng) và. Sau khi trao đổi, thống nhất với H, D và H1 đã tư vấn, thông tin với người có nhu cầu sang Úc là có khả năng đưa sang Úc lao động, du học với giá từ 28.000 USD đến 32.500 USD/1 người, thời gian đi nhanh chóng. Tin tưởng vào D, H1 nên 22 công dân đã nộp tiền cho D, H1 để nhờ đưa sang Úc, D đã ký hợp đồng, khi nhận tiền D hoặc H1 viết phiếu thu đưa cho họ, cụ thể 22 người đã nộp tiền cho D, H1 như sau:

1. Phạm Hồng M4 sinh năm 1998, trú quán: Số 157, TrM, P. PNL, TP Hải Dương (bố là Phạm Hồng Th4 sinh năm 1967 nộp thay) 454.000.000 đồng.

2. Bùi Đức M3 sinh năm 1974, trú quán: Lô 47/62 AP 2, P. TB, TP Hải Dương nộp số tiền 400.000.000 đồng.

3. Vũ Lương Tr sinh năm 1988, trú quán: thôn BD, xã TH, huyện KT, tỉnh Hải Dương (mẹ là Phạm Thị Phước, sinh năm 1973 nộp thay) 230.000.000 đồng.

4. Dương Văn S2 sinh năm 1998, trú quán: Xóm 7, thôn TĐN, xã MH, huyện KM, tỉnh Hải Dương (mẹ là Bùi Thị Liên sinh năm 1972 nộp thay) 731.500.000 đồng.

5. Bùi Văn Đ1 sinh năm 1994, trú quán: Xóm 7, thôn Ngoại, xã MH, huyện KM, tỉnh Hải Dương (bố là Bùi Văn Nghĩa sinh năm 1969 nộp thay) 684.000.000 đồng.

6. Bùi Văn C sinh năm 1984, trú quán: 170 YK, P. HT, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương nộp số tiền 720.000.000 đồng.

7. Đinh Hữu T, trú quán: Quận HM, Hà Nội (bạn là Hà Văn Hiếu sinh năm 1970, trú quán: Số 28/142, đường KG, P. ĐK, Q. HM, TP Hà Nội nộp thay) 610.000.000 đồng.

8. Đoàn Văn M1 sinh năm 1986, trú quán: Số 150, khu 17, P. Ngh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vợ là Đỗ Thị Vân Anh sinh năm 1988 nộp thay) 700.000.000 đồng.

9. Lưu Thanh Th1 sinh năm 1972, trú quán: Số 16/35/39 KTD, P. ThB, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (chồng là Nguyễn Văn Tiến sinh năm 1968 nộp thay) 700.000.000 đồng.

10. Phan Đức Th2 sinh năm 2002, trú quán: Số 2/13 KS, P. TB, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (bố là Phan Minh D1 sinh năm 1974 nộp thay) 720.000.000 đồng.

11. Đặng Quang Tr1 sinh năm 1987, trú quán: Đội 3, thôn ĐB, xã HN, TP Hưng Yên nộp số tiền 646.560.000 đồng.

12. Trần Anh Qu sinh năm 2000, TRÚ QUÁN: Số nhà 51A, Ngh, P. PNL, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (mẹ là Nguyễn Thị H1 sinh năm 1980 nộp thay) 728.000.000 đồng.

13. Bùi Thu Qu1 sinh năm 1993, trú quán: Xóm 8, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương (bố là Bùi Văn Thiện, sinh năm 1972 nộp thay) 741.000.000 đồng.

14. Bùi Văn D2 sinh năm 1993, trú quán: Xóm 8, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương (chú là Bùi Văn Thiện sinh năm 1972 nộp thay) 752.400.000 đồng.

15. Trần Thị Phương Th3 sinh năm 2000, trú quán: Tổ 11, P. HNg, Q. DK, TP Hải Phòng (bố là Trần Đức Huynh sinh năm 1974 nộp thay) 700.000.000 đồng.

16. Đoàn Hải N1sinh năm 1995, trú quán: Khu 8, TT PhT, huyện KM, tỉnh Hải Dương (bố là Đoàn Văn H2 sinh năm 1968 nộp thay) 683.000.000 đồng.

17. Nguyễn Văn N sinh năm 1989, trú quán: Khu MS, P. ThH, TP CL, tỉnh Hải Dương (mẹ là Nguyễn Thị Đài sinh năm 1963 nộp thay) 682.000.000 đồng.

18. Nguyễn Văn L2 sinh năm 1972, trú quán: 358 YK, P. HT, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương nộp số tiền 750.000.000 đồng.

19. Nguyễn Mạnh Th sinh năm 1993, trú quán: 8/13 phố BT, Khu 4, P. HT, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (bố là Nguyễn Văn Chính sinh năm 1956 nộp thay) 684.000.000 đồng.

20. Bùi Anh Qu2 sinh năm 1994, trú quán: 348 Ngh, P. Ngh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (mẹ là Lý Kim Thanh sinh năm 1974 nộp thay) 708.500.000 đồng.

21. Bùi Đức Ch sinh năm 1992, trú quán: 787A Ngh, Khu 7, P. HT, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (bố là Bùi Đức Cường sinh năm 1956 nộp thay) số tiền 1.119.500.000 đồng.

22. Phạm Ngọc M2 sinh năm 1992, trú quán: 358 NHC, Khu 5, P. NgC, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (bố là Phạm Văn Hợp sinh năm 1967 nộp thay) 684.000.000 đồng.

Tổng số tiền D, H1 thu của 22 người là 14.828.460.000 đồng. Sau khi thu được tiền, hồ sơ của người có nhu cầu sang Úc, vợ chồng D, H1 đã chuyển 21 hồ sơ cùng số tiền của 21 người là 11.012.400.000 đồng tương đương 483.000 USD cho H. Đối với trường hợp của Đoàn Hải N1 sinh năm 1995, trú quán: Khu 8, TT PhT, huyện KM, tỉnh Hải Dương đã nộp 683.000.000 đồng cho D, H1 nhưng sau đó không ký hợp đồng và yêu cầu D, H1 hoàn trả số tiền đã nộp. Số tiền trên D, H1 nộp cho H nhiều lần trong đó có chuyển khoản qua ngân hàng ngân hàng ACB, ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Nội vào tài khoản của H, tài khoản của anh Lê Thanh Qu3 sinh năm 1963, HKTT: số 39 ngách 189/81 Hoàng H Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, tài khoản của Phạm N3 sinh năm 1989, HKTT: phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và nộp trực tiếp bằng tiền mặt, đô la Mỹ cho H. Anh Lê Thanh Qu3 và Phạm N3 đã trực tiếp rút tiền tại ngân hàng đưa lại cho H. Quá trình mượn tài khoản của Phạm N3 và Lê Thanh Qu3 để nhận tiền của D, H1, H không bàn bạc trao đổi gì với Phạm N3 và anh Lê Thanh Qu3.

Mỗi đợt nhận tiền của vợ chồng D, H1, H đều viết giấy nhận tiền và sử dụng D thông tin theo chứng minh nhân dân số 100806786 mang tên Nguyễn Thị L. Acấp ngày 24/2/2011 tại Công an tỉnh Quảng Ninh tại các giấy biên nhận tiền, cụ thể:

Ngày 15/2/2017 nhận của D, H1 115.000USD

Ngày 31/3/2017 nhận của D, H1 69.000USD

Ngày 31/3/2017 nhận của D, H1 46.000USD

Ngày 09/4/2017 nhận của D, H1 46.000USD

Ngày 19/4/2017 nhận của D, H1 138.000USD

Ngày 22/5/2017 nhận của D, H1 69.000USD

Theo cam kết thì sau 3-6 tháng H sẽ lo làm thủ tục sang Úc cho 21 công dân nêu trên, nhưng đến tháng 9/2017 H vẫn chưa làm được thủ tục cho người nào sang Úc. Ngày 14/9/2017 H và D thống nhất làm biên bản cam kết để H làm thủ tục cho 21 người mà D đã nộp hồ sơ và tiền cho H.

Toàn bộ số tiền nhận của D và H1, H đã sử dụng khoảng 20.000USD để đưa D và những người có nhu cầu sang Úc đi du lịch tại Malaixia, Singapore và Trung Quốc vào các khoảng thời gian tháng từ tháng 4 đến tháng 6/2017 với lý do để cho “đẹp hồ sơ” trước khi vào lần tay. Số tiền còn lại 463.000USD H sử dụng chi tiêu cá nhân và bỏ trốn. Ngày 15/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương ra quyết định truy nã đối với Hoàng Thị Kim H, đến ngày 08/7/2019 H bị bắt tại phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo Quyết định truy nã số 11 ngày 01/4/2019 của Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến tháng 9/2017 khi D, H1 biết Nguyễn Thị L.A (tên thật là Hoàng Thị Kim H) không đưa được các công dân đi du học và lao động tại Úc và đã bỏ trốn

nhưng vợ chồng D, H1 vẫn tiếp tục hứa hẹn và thu tiền của những người khác và nhờ Đỗ Thị Hạnh, sinh năm 1983, HKTT: Ngọc Lặc, Ngọc Sơn, Tứ Kỳ, Hải Dương đưa họ sang Úc. Mặc dù không có khả năng đưa người sang Úc nhưng Hạnh đã đưa ra các thông tin gian dối có khả năng đưa được người sang Úc để nhằm chiếm đoạt tài sản. Từ tháng 9/2017 đến 01/2018 vợ chồng D, H1 đã tiếp tục thu của 23 người khác với tổng số tiền 9.779.350.000 đồng và nộp hồ sơ cho Hạnh. Số tiền này đã chuyển cho Hạnh 2.786.500.000 đồng (trong đó 1.620.000.000 đồng để nộp 31 hồ sơ đi Úc gồm 23 người mới thu và 08 người thu từ đợt nộp cho H gồm: Phạm Ngọc M2, Vũ Lương Tr, Dương Văn S2, Bùi Văn Đ1, Đoàn Văn M1, Đặng Quang Tr1, Nguyễn Mạnh Th, Bùi Đức Ch) và cho Hạnh vay 1.166.500.000 đ, còn lại 6.992.850.000 đồng D trả cho 11 người lao động của đợt nộp tiền cho H và trả 2 người (đợt nộp cho Hạnh). Đến tháng 03/2018 D, H1 biết Hạnh không đưa được người lao động sang Úc.

Tại bản kết luận giám định số 6203/C09-P5 ngày 13/12/2018 của Viện KH học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu là 06 Giấy nhận tiền và Bản cam kết ngày 14/9/2017 so với chữ viết của Hoàng Thị Kim Htrên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 13/C09-P5 ngày 10/01/2019 của Viện KH học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Lê Văn D dưới mục “Người giao tiền ký” trên các tài liệu là 06 Giấy nhận tiền và Bản cam kết ngày 14/9/2017 so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn D trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hoàng Thị Kim Hkhai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng cho vợ chồng anh D, chị H1 và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT - VKS - P1 ngày 25/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Hoàng Thị Kim H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Kim H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Vận D theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 3 năm 2001 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp D một số quy định của các Điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 BLHS năm 1999 quy định:

" 2. Khi áp D điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần chú ý;

2.1 Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc vừa có tình tiết tăng nặng vừa có tình tiết giảm nhẹ nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với giá trị tài sản như sau:

...

b. Xử phạt tù chung thân nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng đến dưới bốn tỷ năm trăm triệu đồng.

c. Xử phạt tử hình nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ bốn tỷ năm trăm triệu đồng trở lên"

Nghị quyết 01/2001 hướng dẫn khoản 4 Điều 139 khi tội này chưa bỏ hình phạt tử hình.

Áp D điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Thị Kim H.

Xử phạt bị Hoàng Thị Kim H mức án tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản nên không áp D hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị Kim H phải hoàn trả cho Lê Văn D, Hà Thị H1 số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp D Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Hoàng Thị Kim H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Nguyễn Thế B, Luật sư - Văn phòng luật sư Đoàn Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

+ Về tội danh: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo bị áp D tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Về trách nhiệm bồi thường dân sự: bị cáo phải hoàn trả cho D, H1 số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng.

Đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét ra một mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

- Bị hại trình bày: Yêu cầu bị cáo Hoàng Thị Kim H hoàn trả số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng cho vợ chồng D, H1. Đề nghị HĐXX xét xử nghiêm đối với bị cáo H để trả lại công bằng cho vợ chồng D, H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại; người làm chứng, vật chứng thu giữ; các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017, tại tỉnh Hải Dương và thành phố Hà Nội, Hoàng Thị Kim H đưa ra thông tin gian dối về việc H có khả năng đưa người sang du học và lao động tại Úc, thông qua vợ chồng Lê Văn D và Hà Thị H1, H đã nhận hồ sơ và chiếm đoạt tiền của 21 công dân với số tiền 11.012.400.000 đồng (483.000 USD). Sau khi nhận được số tiền trên H không chi phí làm thủ tục cho các công dân như đã hứa hẹn mà sử dụng chi tiêu cá nhân và bỏ trốn.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn mục đích có tiền chi tiêu cho bản thân, mặc dù bị cáo không có chức năng và cũng không có khả năng đưa người đi lao động, du học tại Úc nhưng bị cáo vẫn cố ý đưa ra các thông tin gian dối nhằm tạo lòng tin có khả năng đưa người sang du học, làm việc tại Úc để chiếm đoạt số tiền 11.012.400.000 đồng (483.000 USD) do vợ chồng Lê Văn D và Hà Thị

H1 thu của 21 người dân rồi chuyển cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với bị cáo:* Nhân thân: Ngày 20/3/2019 Hoàng Thị Kim H bị Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chiếm đoạt số tiền 11.012.400.000 đồng (483.000 USD) do D H1 thu của 21 công dân và 06 lần chuyển tiền cho bị cáo, do vậy bị cáo bị áp D tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, áp D hình phạt tù không thời hạn mới có tác D trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản nên không áp D hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị Kim H phải hoàn trả cho Lê Văn D, Hà Thị H1 số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bị cáo Hoàng Thị Kim H còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người trên các địa bàn, tỉnh thành phố khác và đang bị Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên, TP Hà Nội khởi tố, điều tra.

Quá trình điều tra bị cáo Hoàng Thị Kim H khai nhận sử D thông tin trong chứng minh nhân dân giả số 100806786 mang tên Nguyễn Thị Lan Anh, do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/2/2011, nhưng H khai đã mất nên không cung cấp được cho cơ quan CSĐT. Do vậy không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với Hoàng Thị Kim H về hành vi sử D tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 341 BLHS.

Đối với anh Lê Thanh Qu3sinh năm 1963, trú tại số 39 ngách 189/81 Hoàng H Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và anh Phạm N3sinh năm 1989, trú tại phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình chỉ là người được H mượn các tài khoản để D, H1 chuyển tiền cho H, toàn bộ số tiền chuyển vào tài khoản của anh Quang và Phạm N3đã được chuyển cho Hoàng Thị Kim H. Anh Lê Thanh Qu3và Phạm N3không được Hoàng Thị Kim H cho biết hoặc bàn bạc khi thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy không có căn cứ để

xem xét, xử lý Lê Thanh Qu3 và Phạm N3 đồng phạm với Hoàng Thị Kim H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[7]. Về án phí: Bị cáo phạm tội và phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Hoàng Thị Kim H.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Kim H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
2. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kim H tù Chung thân, thời gian tính từ ngày thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Kim H phải hoàn trả cho anh Lê Văn D và chị Hà Thị H1 số tiền 483.000USD tương đương số tiền 11.012.400.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Thị Kim H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 119.012.400đ (Một trăm mười chín triệu không trăm mười hai nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng CSĐT tội phạm về TTXH;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

Nguyễn Xuân Trường